

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu thi công, thiết bị:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính (ngói,	- Có bảng danh mục vật tư, vật liệu chính. Trong đó thể hiện rõ chủng loại, xuất xứ, nguồn	Đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

gạch, cát, đá các loại, xi măng, sắt thép, sơn nội ngoại thất, sơn chống thấm, gạch ốp lát, vật tư thiết bị ngành điện, vật tư thiết bị ngành nước,).	cung cấp. - Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cho các vật tư, vật liệu chính; Hợp đồng nguyên tắc phải ghi rõ là hợp đồng dành riêng cho gói thầu này và không dùng chung cho các dự án hay công trình khác của nhà thầu	
	- Không có danh mục các loại vật tư, vật liệu chủ yếu như trên. - Không có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cho các vật tư, vật liệu chính như trên	Không đạt
1.2. Đối với các thiết bị chính (điều hòa, màn hình led, hệ thống âm thanh, camera,....)	Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cho các thiết bị chính; Hợp đồng nguyên tắc phải ghi rõ là hợp đồng dành riêng cho gói thầu này và không dùng chung cho các dự án hay công trình khác của nhà thầu	Đạt
	Không có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cho các vật tư, vật liệu chính như trên	Không đạt
1.3. Đối với các hiện vật cung cấp cho gói thầu	- Có bảng danh mục các hiện vật. Trong đó thể hiện rõ hồ sơ lai lịch của các hiện vật. - Cung cấp hợp đồng mua bán, hóa đơn giá trị gia tăng.	Đạt
	- Không có danh mục các hiện vật. - Chứng loại không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, không cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên.	Không đạt
1.4. Đối với vật liệu: vận chuyển đất đá thừa, phế thải đổ đi	Có cam kết của nhà thầu về việc đổ đúng nơi quy định.	Đạt
	Không có cam kết của nhà thầu về đổ đúng nơi quy định.	Không đạt
1.5. Đối với đơn vị thí nghiệm	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị thí nghiệm vật liệu được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng còn giá trị hiệu lực đến thời điểm mở thầu	Đạt
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc	Không đạt

	với đơn vị thí nghiệm vật liệu hoặc có hợp đồng nguyên tắc nhưng đơn vị thí nghiệm không có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã hết giá trị hiệu lực đến thời điểm mở thầu	
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

2. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thiết bị:

Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
2.1. Xuất xứ thiết bị	- Có bảng danh mục thiết bị chính. Trong đó thể hiện rõ chủng loại, xuất xứ, nguồn cung cấp. - Cung cấp catalogue của các thiết bị	Đạt
	- Không có danh mục các loại vật tư, vật liệu chủ yếu như trên. - Không cung cấp catalogue của các thiết bị	Không đạt
2.2. Tính hợp lệ của thiết bị, dịch vụ liên quan	- Có cam kết tất cả các thiết bị mới 100%, được sản xuất từ năm 2024-2025. - Có cam kết cung cấp chứng thư giám định hàng hóa, kiểm định hàng hóa theo quy định của pháp luật đối với mặt hàng thuộc danh mục cần kiểm định. - Có cam kết tất cả các hàng hóa nhập khẩu khi giao hàng phải cung cấp đầy đủ các tài liệu gồm giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ).	Đạt
	Không có cam kết các nội dung trên hoặc có nhưng không đúng hoặc không đầy đủ các cam kết nêu trên.	Không đạt
2.3. Đáp ứng yêu cầu về bảo hành, bảo trì dịch vụ sau bán hàng	Nhà thầu phải có cam kết đầy đủ đồng thời các nội dung sau: - Thời gian bảo hành tất cả thiết bị cung cấp cho gói thầu ≥ 12 tháng; - Thời gian thay thế hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. - Cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế tối thiểu 03 năm tính từ thời điểm bàn giao, nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng.	Đạt

	Thời gian bảo hành tất cả thiết bị cung cấp cho gói thầu < 12 tháng hoặc không có cam kết các nội dung trên hoặc có nhưng không đúng hoặc không đầy đủ các cam kết nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3. Biện pháp tổ chức thi công, giải pháp kỹ thuật và biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Bãi tập kết thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, rào chắn, biển báo,... trong quá trình thi công	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng nhưng thiếu giải pháp kỹ thuật về điểm tập kết vật liệu.	Chấp nhận được
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
3.2. Biện pháp thi công các hạng mục công việc: BP Thi công nhà truyền thống, BP Thi công điện chiếu sáng, điện nhẹ, BP Thi công bãi đỗ xe, sân thể dục, BP Thi công Sân vườn, BP thi công lắp đặt thiết bị, BP Thi công quầy bán hàng, BP thi công Cấp điện ngoài nhà, BP thi công Hệ thống thoát nước, BP thi công sân đường nội bộ	Có biện pháp thi công hợp lý, phù hợp với giải pháp kỹ thuật, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Biện pháp thi công không hợp lý, không phù hợp với giải pháp kỹ thuật, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt

3.3. Biện pháp thi công: Trang trí nội thất trưng bày	Có biện pháp thi công được thực hiện theo đề cương chi tiết nội dung trưng bày nhà văn hóa cộng đồng dân tộc Sán diu, huyện Vân Đồn đã được phê duyệt	Đạt
	Biện pháp thi công không hợp lý, không phù hợp với đề cương chi tiết đã được duyệt	Không đạt
3.4. Giải pháp bảo vệ cơ sở hạ tầng khác nơi thi công công trình	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với hiện trạng công trường xây dựng, có cam kết hoàn trả, giữ gìn các hạng mục khác không thuộc phạm vi thi công trong quá trình thi công khi làm hư hỏng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với hiện trạng công trường xây dựng, không có cam kết hoàn trả, giữ gìn các hạng mục khác không thuộc phạm vi thi công khi làm hư hỏng.	Không đạt
3.5. Trình tự thi công các hạng mục công việc của gói thầu	Bố trí đủ mũi thi công. Có đề xuất về biện pháp, công nghệ thi công.	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu.	Không đạt
3.6. Có cam kết phối hợp với Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn xây dựng kế hoạch thi công để đảm bảo phối hợp nhịp nhàng, liên tục với các nhà thầu thi công khác trên công trường đảm bảo tiến độ toàn bộ dự án.	Có văn bản cam kết.	Đạt
	Không có văn bản cam kết	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 3.1 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 200	Đạt

công: Đảm bảo thời gian thi công không quá 200 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công	ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 200 ngày.	Không đạt
4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt
4.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công xây dựng các hạng mục của công trình	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt

5.3. Hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu	- Phù hợp với quy mô, tính chất công trình và biện pháp thi công của nhà thầu. - Có sơ đồ tổ chức và trách nhiệm từng các nhân đối với công tác quản lý thi công xây dựng, bao gồm: Chỉ huy trưởng công trình, cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công, quản lý chất lượng, an toàn thi công, quản lý hồ sơ thi công xây dựng công trình.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp trên	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng
6.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường	Không đạt

tổ chức thi công	hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Bảo hành		
Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
7.2. Uy tín của nhà thầu		
Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Nhà thầu có cam kết không có vi phạm	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết hoặc vi phạm một trong các điều trên.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6,7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6,7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được. E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.